

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/DS-ST

Ngày: 20-6-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Cương**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Văn Hoa Vinh**.

2. Bà **Mai Thị Kim Thanh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lý Thị Hậu**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân **huyện T, tỉnh Tây Ninh** tham gia phiên tòa:**  
Ông **Nguyễn Quốc C** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2022/TLST-DS ngày 15/12/2022 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **82/2023/QĐXXST-DS** ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962 - Chủ **doanh nghiệp tư nhân T3**; địa chỉ: **Tổ B, ấp T, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**-Bị đơn:** Chị **Dương Thị Kim T1**, sinh năm 1980 và anh **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 1982; địa chỉ: **Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày **22/12/2022**, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày:

Ngày 04/10/2012 chị **T1**, anh **T2** có mua của bà **T** 01 xe máy nhãn hiệu city Cup (RS), số máy là 0033317, số khung là 0333317, màu sơn: Đỏ, bạc, đen với giá 12.800.000 đồng. Hẹn đến ngày 19/6/2013 sẽ trả tiền cho bà **T**. Tuy nhiên, đến hẹn chị

T1, anh T2 không trả cho bà T được số tiền nào. Do đó, bà T đã khởi kiện chị T1, anh T2 vào năm 2019, sau đó, chị T1, anh T2 có góp cho bà T được mỗi tháng 500.000 đồng. Tính đến ngày 30/6/2022 chị T1, anh T2 đã trả cho bà T được số tiền 7.300.000 đồng, còn nợ lại 5.500.000 đồng. Bà T có đi đòi nhiều lần nhưng chị T1, anh T2 không đồng ý trả mà còn thách thức bà T khởi kiện.

Nay khởi kiện bà yêu cầu chị T1, anh T2 trả cho bà số tiền gốc là 5.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 12.800.000 đồng tính từ ngày 19/6/2013 đến ngày 19/6/2019 (làm tròn 72 tháng) là 7.649.000 đồng và tính tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 5.500.000 đồng tính từ ngày 30/6/2022 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tạm tính đến ngày 30/3/2023 là 9 tháng là 410.850 đồng. Sau khi chị T1, anh T2 trả tiền xong cho bà thì bà đồng ý giao giấy đăng ký xe cho chị T1, anh T2. Giấy đăng ký xe do chị Dương Thị Kim T1 đứng tên. Bà không có chứng cứ gì khác để cung cấp cho Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ gì khác, ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 428, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với chị T1 và anh T2 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

+ Buộc chị T1 và anh T2 có nghĩa vụ trả cho bà T 5.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về lãi suất.



+ Bà T được miễn án phí theo quy định của pháp luật; chị T1 và anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị T, chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 trả cho bà Nguyễn Thị T 5.500.000 đồng tiền gốc và yêu cầu chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 phải trả tiền lãi cụ thể như sau: Tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 12.800.000 đồng tính từ ngày 19/6/2013 đến ngày 19/6/2019 (làm tròn 72 tháng) là 7.649.000 đồng và tính tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng đối với số tiền 5.500.000 đồng tính từ ngày 30/6/2022 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm (ngày 20/6/2023), làm tròn là 11 tháng là 502.150 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T thấy rằng: Theo “Hợp đồng mua xe trả góp ngày 04/10/2012” mà bà Nguyễn Thị T cung cấp cho Tòa án thể hiện chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 ký tên người mua và nhận nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 12.800.000 đồng, chữ ký tên người mua trong Hợp đồng mua xe trả góp ngày 04/10/2012 theo bà Nguyễn Thị T là do chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 viết. Do đó, có căn cứ xác định vào ngày 04/10/2012 chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 có mua xe trả góp và có nhận nợ bà T số tiền 12.800.000 đồng nói trên là có thật. Bà Nguyễn Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo bà T trình bày vào năm 2019 sau khi bà T khởi kiện thì chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 có trả cho bà T được số tiền 7.300.000 đồng và còn nợ lại bà Nguyễn Thị T số tiền 5.500.000 đồng, tuy nhiên từ đó đến nay bà có đi đòi nhiều lần nhưng chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 không đồng ý trả, do đó, cần buộc chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.500.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi của bà T, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị T trình bày trong Hợp đồng mua xe trả góp không thỏa thuận lãi suất, do chị Dương Thị Kim T1 và anh

Nguyễn Thanh T2 không trả tiền đúng hạn cho bà T nên việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 trả lãi suất là phù hợp, tuy nhiên theo Hợp đồng mua xe trả góp ngày 04/10/2012, thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất được tính theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và được tính theo mức 0.75% từ ngày 19/6/2013 đến ngày 31/12/2016 (là 42 tháng), cụ thể: 12.800.000 đồng x 0.75%/tháng x 42 tháng = 4.032.000 đồng; từ ngày 01/01/2017 trở đi được tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 19/6/2019 (là 29 tháng), cụ thể: 12.800.000 đồng x 0.83%/tháng x 29 tháng = 3.080.960 đồng; từ ngày 30/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/6/2023) làm tròn thành 11 tháng, cụ thể: 5.500.000 đồng x 45.650 đồng x 11 tháng = 502.150 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu tính tiền lãi của bà T buộc chị T1, anh T2 có nghĩa vụ trả cho bà T 7.615.000 đồng tiền lãi.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2. Tuy nhiên, chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 không hợp tác và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý do việc không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 5.500.000 đồng tiền gốc và 7.615.110 đồng tiền lãi, tổng cộng là 13.115.000 đồng là phù hợp với quy định các Điều 428, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

## H

[4] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi 536.040 đồng (8.151.150 đồng – 7.615.110 đồng) không được chấp nhận nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 phải chịu 656.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 428, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Thanh V đối với chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T3 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng tiền gốc và 7.615.000 (bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn) đồng tiền lãi, **tổng cộng là** 13.115.000 (mười ba triệu một trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Thị T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Thanh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 không thi hành số tiền trên, thờ hàng tháng người phải thi hành án chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 cũn phải trả cho người được thi hành án bà Nguyễn Thị T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Thanh V số tiền lói đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Thanh V đối với chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 về việc yêu cầu chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 phải trả 536.040 (năm trăm ba mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi) đồng tiền lãi.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị Dương Thị Kim T1 và anh Nguyễn Thanh T2 phải chịu 656.000 (sáu trăm năm mươi sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**